

Số: *12* /2015/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày *30* tháng *01* năm *2015*

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý cấp phép thăm dò, khai thác,
sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề
khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định hành nghề khoan nước dưới đất; Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện đảm bảo cung cấp nước an toàn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.

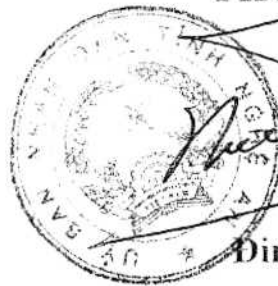
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 96/2005/QĐ-UB ngày 15 tháng 8 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường,
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp), (để B/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND,
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Nghệ An;
- Các Tổ chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Công TTĐT Nghệ An; TT Công báo;
- Lưu VT UB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Viết Hồng

QUY ĐỊNH

Quản lý cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12 /2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01
năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng về quản lý bảo vệ, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Nước biển và nước dưới đất thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, UBND CẤP HUYỆN, XÃ

Điều 3. Lập, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước

1. Quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước cấp tỉnh, đơn vị có liên quan tham mưu lập quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường; công bố và tham mưu thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh đã được phê duyệt.

2. Quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch địa phương có khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

a) Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh khi lập quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Quy hoạch về thủy lợi, thủy điện, cấp nước, giao thông đường thủy nội địa và các quy hoạch khác có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước) và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi lập quy hoạch địa phương phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh;

b) Trong quá trình lập các quy hoạch nêu trên, tổ chức chủ trì lập quy hoạch phải lấy ý kiến thỏa thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường, các đối tượng hưởng lợi và đối tượng chịu rủi ro đối với trường hợp quy hoạch sử dụng hồ chứa trên sông suối, mọi ý kiến phải được giải trình, tiếp thu trong báo cáo gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định quy hoạch;

c) Trường hợp các quy hoạch nêu trên đã được phê duyệt khi chưa có quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh: Trước khi các tổ chức liên quan triển khai thực hiện quy hoạch phải có ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và môi trường trong hành lang bảo vệ hồ chứa và vùng lòng hồ:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa (trừ kế hoạch tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp) lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên và môi trường trong hành lang bảo vệ hồ chứa, vùng lòng hồ; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo thẩm quyền; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa trên địa bàn tỉnh;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn, thẩm định kế hoạch tưới, tiêu các hồ chứa (trừ hồ chứa thủy điện) phục vụ sản xuất nông nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước; trách nhiệm điều tra đánh giá tài nguyên nước

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chưa có quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thì căn cứ tình hình thực tế về thông tin, dữ liệu tài nguyên nước xây dựng các nội dung trong kế hoạch điều tra cơ bản phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước của tỉnh; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động hành lang bảo vệ nguồn nước của các hồ chứa thủy điện, thủy lợi, sông, suối, kênh và các hồ chứa nước của các tổ chức quản lý, vận hành.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc chỉ đạo, xử lý các vi phạm về môi trường và các hoạt động khác có liên quan đến chất lượng nước; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước cấp tỉnh có liên quan trong trường hợp vượt quá thẩm quyền.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập, tổ chức quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh được quy định tại khoản 3, Điều 31, Luật Tài nguyên nước.

3. Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện không quy hoạch, chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư và nghiêm cấm việc xây dựng mới các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất độc hại, cơ sở sản xuất, chế biến có chất thải, nước thải nguy hại trong hành lang bảo vệ nguồn nước.

Điều 6. Quản lý, bảo vệ nước sinh hoạt

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với Đài khí tượng thủy văn khu vực Bắc Trung Bộ thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh;

b) Cung cấp kịp thời số liệu về khí tượng thủy văn, chất lượng nguồn nước, tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và xả nước thải vào nguồn nước cho các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y Tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan thực hiện biện pháp khẩn cấp để đảm bảo nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch giám sát chất lượng nguồn nước trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ thực hiện.

2. Trách nhiệm của Sở Y tế:

a) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ, đột xuất kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt hoặc khi có phản ánh của các cơ quan chức năng, đề nghị của các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; đồng thời cung cấp kịp thời số liệu về chất lượng nước sinh hoạt cho các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan thực hiện công tác quản lý để đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt theo quy định trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch giám sát chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ thực hiện.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo sản xuất nước hợp vệ sinh khu vực nông thôn đảm bảo theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; chỉ đạo xác định nguyên nhân, đưa ra giải pháp khắc phục trong trường hợp chất lượng nước sinh hoạt khu vực nông thôn không đảm bảo theo kết quả phân tích của các Sở: Y tế, Tài nguyên và Môi trường và các nguồn khác cung cấp;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo sản xuất nước an toàn khu vực đô thị đảm bảo theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; chỉ đạo xác định nguyên nhân, đưa ra giải pháp khắc phục trong trường hợp chất lượng nước sinh hoạt khu vực đô

thị không đảm bảo theo kết quả phân tích của các Sở: Y tế, Tài nguyên và Môi trường và các nguồn khác cung cấp;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quản lý địa điểm khai thác, sử dụng tài nguyên nước và bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn theo quy định tại khoản 5, Điều 32, Luật Tài nguyên nước và phải chịu trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn;

b) Báo cáo các Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường trong trường hợp có hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng trên địa bàn của mình để triển khai các biện pháp khẩn cấp đảm bảo nước sinh hoạt.

6. Định kỳ 03 tháng/lần các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra chất lượng nguồn nước và chất lượng nước sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Thông tư 05/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y Tế.

Điều 7. Quản lý và bảo vệ nước dưới đất

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước và bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất trên địa bàn; giám sát, kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong trám lấp giếng theo quy định đối với các giếng không sử dụng, có khả năng gây ô nhiễm nguồn nước; phối hợp thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; có trách nhiệm trám lấp giếng trong trường hợp không xác định được chủ giếng;

b) Chủ trì điều tra, đánh giá tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác và có các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt để bảo vệ nguồn nước dưới đất; công bố và tổ chức thực hiện ở những vùng nước dưới đất bị khai thác quá mức hoặc bị suy thoái nghiêm trọng.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý, bảo vệ nguồn nước và xả thải trong một số hoạt động dân sinh và sản xuất kinh doanh

1. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các loại hóa chất khác trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn sử dụng hợp lý thuốc thú y, bảo vệ thực vật và các hóa chất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không được gây ô nhiễm nguồn nước.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giám sát, đôn đốc sử dụng hợp lý thuốc thú y, bảo vệ thực vật và các hóa chất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

2. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và quản lý, xử lý chất thải tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh:

a) Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động trong ngành, lĩnh vực của mình việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước; trường hợp sử dụng hóa chất độc hại thì phải có biện pháp bảo đảm an toàn, không được để rò rỉ, thất thoát dẫn đến gây ô nhiễm nguồn nước; ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước; khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh phải đầu tư xây dựng hệ thống thu gom tách riêng nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải, tiêu, thoát, dẫn nước thải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giám sát, quản lý các tổ chức cá nhân có hoạt động nêu trên tại địa phương mình quản lý.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì thẩm định quy hoạch và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khi quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải phù hợp với quy mô xả nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ; lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch.

4. Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam có trách nhiệm chủ trì thẩm định và phê duyệt quy hoạch và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khi quy hoạch trong địa bàn khu công nghiệp, khu kinh tế do mình quản lý phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải phù hợp với quy mô xả nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ

quy định về thoát nước và xử lý nước thải; lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi phê duyệt.

5. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải theo chức năng nhiệm vụ quản lý của mình có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân nhà cấp huyện có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng mặt hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí; cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy trên sông, hồ.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì quản lý và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có hoạt động ảnh hưởng đến diện tích rừng phải trồng bù diện tích rừng bị mất hoặc đóng góp kinh phí trồng rừng theo quy định trong trường hợp địa phương không bố trí được quỹ đất để trồng rừng mới.

7. Việc vận hành các công trình khai thác tài nguyên nước, các công ngăn mặn giữ ngọt, điều tiết dòng chảy:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương (đối với hồ chứa thủy điện) theo thẩm quyền có trách nhiệm chủ trì kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan khi vận hành các công trình khai thác tài nguyên nước, các công ngăn mặn giữ ngọt, điều tiết dòng chảy; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định quy trình vận hành hồ chứa, các công ngăn mặn giữ ngọt, điều tiết dòng chảy, tham mưu phê duyệt theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét kế hoạch điều tiết nước hồ chứa, yêu cầu chủ đập hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định nếu thấy cần thiết.

8. Đối với những dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giám sát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) những dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi, các khoáng sản khác và đề xuất giải pháp khắc phục.

Điều 9. Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng các chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm và xử lý, cải tạo, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai, chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

Điều 10. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước

1. Các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên nước theo thẩm quyền; chỉ đạo các phòng ban, đơn vị liên quan hưởng ứng ngày Nước Thế giới hàng năm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư Pháp cập nhật, phổ biến các văn bản, quy định của Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh về tài nguyên nước đến các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Các cơ quan: Báo Nghệ An, Đài Phát thanh-Truyền hình Nghệ An có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật, các chuyên đề, chủ đề về tài nguyên nước.

4. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và thực hiện đúng các chính sách pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 11. Xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thu thập, tiếp nhận, tổng hợp tài liệu, báo cáo liên quan đến tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; điều tra bổ sung thông tin, dữ liệu và cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

2. Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tài nguyên nước và cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ

chứa thủy lợi, dự án, công trình có liên quan đến khai thác sử dụng tài nguyên nước, dữ liệu nước sạch nông thôn;

b) Sở Xây dựng: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về quy hoạch cấp nước sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; số liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải đô thị và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, dữ liệu cấp nước an toàn khu vực đô thị;

c) Sở Y tế: Cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nước sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch; chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế;

d) Sở Công Thương: Cung cấp số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong các hồ, đập thủy điện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chịu trách nhiệm thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý, dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

4. Kinh phí thu thập, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước: Kinh phí vận hành hệ thống, thu thập, xử lý dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY ĐỊNH CẤP PHÉP THẨM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC, XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ HÀNH NGHỀ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT.

Điều 12. Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, cấp phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước, cho phép chuyển nhượng quyền khai thác nước và hành nghề khai thác nước dưới đất hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét cấp đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn quản lý đối với các khu vực có trong danh mục khu vực đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố.

Điều 13. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép tài nguyên nước, đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép đối với các trường hợp sau đây:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 m³/giờ đến dưới 2 m³/giờ;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw;

đ) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm;

e) Khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 50.000 m³/ngày đêm đến dưới 100.000 m³/ngày đêm;

g) Xả nước thải với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản;

h) Xả nước thải với lưu lượng từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác;

k) Hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách dưới 250 mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200m³/ngày đêm đến dưới 3000m³/ngày đêm đối với các tổ chức, cá nhân có địa chỉ thường trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An và chỉ được hành nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép đối với các trường hợp sau đây:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 1.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 1 m³/giờ;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kw;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác dưới 30.000 m³/ngày đêm;

đ) Khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm;

e) Xả nước thải với lưu lượng dưới 10.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản;

g) Xả nước thải với lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác;

h) Hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách dưới 110 mm và thuộc công trình có lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm và chỉ được hành nghề trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Tham vấn ý kiến cộng đồng.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham vấn ý kiến cộng đồng theo quy định tại Điều 2, Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Điều 15. Trình tự thủ tục và Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, thu hồi giấy phép hoạt động tài nguyên nước.

1. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, chuyển nhượng giấy phép hoạt động tài nguyên nước được thực hiện theo quy định tại Điều 30, 31, 32, 33, 34 và Điều 39, Nghị định 201/2013/NĐ-CP.

2. Trình tự cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ và thu hồi giấy phép hoạt động tài nguyên nước được thực hiện theo quy định cụ thể tại Điều 35, 36, 37, 38 Nghị định 201/2013/NĐ-CP.

3. Các trường hợp thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ:

a) Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, thu hồi giấy phép hoạt động tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất;

b) Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, thu hồi giấy phép hoạt động tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, nhưng có nguy cơ suy giảm nghiêm trọng và ô nhiễm nghiêm trọng tài nguyên nước.

4. Mẫu đơn, Giấy phép, nội dung đề án, báo cáo trong hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả thải vào nguồn nước được quy định tại phần phụ lục của Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Mẫu đơn, Giấy phép, nội dung trong hồ sơ cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại phần phụ lục của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 16. Hội đồng thẩm định Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, thu hồi giấy phép hoạt động tài nguyên nước.

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập và tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, thu hồi giấy phép hoạt động tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là hội đồng thẩm định) được quy định tại khoản 3, Điều 15.

2. Thành phần hội đồng thẩm định không quá mười một (11) thành viên, gồm đại diện của các cơ quan có liên quan trực tiếp đến hoạt động tài nguyên nước, các chuyên gia, các tổ chức liên quan khác, trong đó có: Một (01) Chủ tịch hội đồng, trường hợp cần thiết có thêm một (01) Phó Chủ tịch hội đồng; một (01) Ủy viên thư ký; hai (02) Ủy viên phản biện và các Ủy viên.

3. Điều kiện tiến hành phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định:

Phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các điều kiện:

a) Có ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên hội đồng tham gia trực tiếp phiên họp, trong đó bắt buộc phải có: Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng trong trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt (sau đây gọi chung là người chủ trì phiên họp), ít nhất một (01) Ủy viên phản biện và Ủy viên thư ký.

b) Có sự tham gia của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án hoặc người được cấp có thẩm quyền của chủ dự án ủy nhiệm tham gia.

4. Chức năng và nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định.

a) Hội đồng thẩm định có chức năng tư vấn cho thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan tổ chức việc thẩm định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan tổ chức việc thẩm định về tính khách quan, trung thực của các kết luận thẩm định;

b) Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc thảo luận công khai, trực tiếp giữa các thành viên hội đồng thẩm định và giữa hội đồng thẩm định với cơ quan đề nghị cấp phép và kết luận về kết quả thẩm định;

c) Hội đồng chỉ thông qua hồ sơ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng tham dự có phiếu thẩm định đồng ý thông qua hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

Điều 17. Đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn;

b) Hàng năm tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trình tự, thủ tục đăng ký:

a) Căn cứ Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất được phê duyệt, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, bản (sau đây gọi chung là tổ trưởng dân phố) thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát hai (02) tờ khai quy định tại Phụ lục Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước cho tổ chức, cá nhân để kê khai.

Trường hợp chưa có giếng khoan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành khoan giếng;

b) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan đăng ký hoặc nộp cho tổ trưởng tổ dân phố để nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc và phối hợp các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện Quy định này;

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm và đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh;

c) Thu phí thẩm định, lệ phí cấp phép tài nguyên nước và trích nộp theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện các chính sách phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; tham mưu kinh phí thực hiện quy hoạch, điều tra cơ bản tài nguyên nước; kế hoạch giám sát chất lượng nguồn nước và nước sinh hoạt; các dự án, đề án xử lý, cải tạo, phục hồi

nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Cục Thuế Nghệ An có trách nhiệm thực hiện thu các loại thuế theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế; hướng dẫn tổ chức, cá nhân về chính sách thuế trong lĩnh vực tài nguyên nước.

4. Định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm và đột xuất, các cơ quan nhà nước cấp tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước thuộc ngành trên địa bàn quản lý về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

**T/M. ỦY BAN NHÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Viết Hồng